

Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách THU HÚT FDI TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Ths. Nguyễn Tiến Cơ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ngày nay, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của một quốc gia, tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội, chính trị của nước tiếp nhận đầu tư, nhất là các nước đang phát triển (ĐPT). Nhiều nhà kinh tế học đã nghiên cứu và rút ra kết luận rằng, điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài tiến hành hành hoạt động đầu tư ở một quốc gia khác là: (1) doanh nghiệp nước ngoài phát huy được lợi thế cạnh tranh so với doanh nghiệp của nước tiếp nhận đầu tư; (2) được ưu đãi và có điều kiện thuận lợi tại nước tiếp nhận đầu tư; (3) có lợi về đầu tư lớn hơn so với doanh nghiệp nước tiếp nhận đầu tư. Trong đó, nhân tố (1) và (3) phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI, còn nhân tố (2) phụ thuộc vào môi trường đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư. Vì thế, trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI gay gắt hiện nay, các nước ĐPT không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Khung khổ chính sách khuyến khích thu hút FDI là nhân tố vô cùng quan trọng tác động tới hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư.

Trong hoạch định và thực thi chính sách thu hút FDI của mỗi quốc gia chịu sự tác động của nhiều nhân tố sau đây:

Nhân tố bên ngoài

Một là, Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập KTQT

- Cạnh tranh toàn cầu sẽ triệt tiêu dần các lợi thế độc quyền, hiệu quả kinh tế trở thành thước đo chung cho mọi doanh nghiệp, mọi quốc gia. Vì thế, các nhà đầu tư nước ngoài luôn tìm đến những địa điểm đầu tư mang lại hiệu quả cao hơn, đây là cơ hội để các nước phát huy lợi thế của mình, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là vấn đề cạnh tranh trong thu hút FDI trở nên hết sức gay gắt. Đòi hỏi các nước phải có những điều chỉnh chính sách kinh tế cũng như chính sách

thu hút FDI phù hợp để phát huy lợi thế cạnh tranh và thu được kết quả cao nhất trong hội nhập KTQT.

- Tự do hóa thương mại và đầu tư đòi hỏi các nước tiến tới mở cửa hoàn toàn thị trường nội địa để cho hàng hóa và nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực trên nguyên tắc tự do cạnh tranh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, từng bước hạ thấp và tiến tới loại bỏ hàng rào thuế quan và nhiều chính sách khác liên quan đến bảo hộ doanh nghiệp, hàng hóa sản xuất trong nước. Theo UNCTAD (2004), có 40% các nước châu Phi, 61% các nước Châu á- Thái Bình Dương, hơn 50% các nước Trung và Đông Âu thực hiện đầy mạnh tự do hoá FDI.

- Tham gia hội nhập KTQT,

hệ thống pháp luật cũng như chính sách thu hút FDI phải đầy đủ, đồng bộ theo hướng bình đẳng, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định, thỏa ước, cam kết chung của khu vực và thế giới, trong đó sân chơi rộng lớn nhất và có quy mô toàn cầu là Tổ chức Thương mại Quốc tế - WTO.

Hai là, Xu hướng vận động của dòng FDI trên thế giới

Xu hướng tự do hóa đầu tư trên phạm vi toàn cầu đã tạo ra làn sóng đầu tư trên thế giới diễn ra với quy mô, tốc độ lớn và ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế thế giới. Trong những thập kỷ qua, xu hướng vận động của dòng FDI trên thế giới có những thay đổi sâu sắc về quy mô, nguồn cung cấp, địa chỉ hấp thụ và có tác động lớn tới sự phát triển kinh tế cũng như khả năng thu hút FDI

của các nước. Đón bắt được xu hướng vận động FDI trên thế giới là một nhân tố quan trọng để các quốc gia đưa ra các chính sách thu hút FDI phù hợp nhằm tiếp nhận FDI đạt hiệu quả cao nhất. Nếu một quốc gia thuộc dòng chảy của FDI, thì khả năng thu hút được FDI là rất cao, khi ấy có cơ hội lựa chọn các nhà đầu tư có đủ tiềm lực mạnh để đầu tư vào các ngành, lĩnh vực kinh tế theo đúng mong muốn của nước nhận đầu tư. Ngược lại, một quốc gia không thuộc dòng FDI đang vận động thì cần phải có những chính sách khuyến khích nhiều hơn mới có thể lôi cuốn được các nhà đầu tư nước ngoài.

Về tổng dòng vốn FDI toàn thế giới, những năm 1970 trung bình hàng năm khoảng 25 tỷ USD, đến thời kỳ 1980-1985 đã tăng lên gấp 2 lần và đến cuối những năm 1980, số vốn FDI trung bình hàng năm khoảng 120 tỷ USD. Thời kỳ 1990 - 2000, dòng FDI thế giới bùng nổ mạnh mẽ. Năm 1995 đạt 333,8 tỷ USD (tăng 30,4% so với 1994); năm 1996 đạt 384,9 tỷ USD (tăng 15,3%), đến năm 1999 và năm 2000 đạt mức cao nhất trong vòng 3 thập kỷ trở về trước. Tuy nhiên, bước sang năm 2001 dòng FDI đã bị giảm. Nếu như năm 2000 đạt 1.392,9 tỷ USD (tăng 29,1%) thì năm 2001 chỉ có 823,8 tỷ USD (giảm 41%); năm 2002: 651,1 tỷ USD (giảm 21%); phải đến năm 2004 mới được phục hồi do xu hướng sáp

nhập và mua lại tăng, các TNCs tiếp tục quá trình tái cấu trúc và thay đổi chiến lược đầu tư, các nước đua tranh thu hút FDI, kết quả dòng FDI đạt 755 tỷ USD (tăng 31,3% so với 2003). Sự phục hồi dòng FDI thế giới tạo cơ hội cho các nước ĐPT tăng cường chính sách thu hút FDI.

Tỷ trọng vốn FDI vào các nước phát triển trong tổng vốn FDI toàn thế giới đã tăng từ chỗ chiếm khoảng 40% năm 1950 lên chiếm 69% năm 1960, 67% năm 1970 và từ thập kỷ 1980 luôn chiếm trên 70%. Từ năm 2000 đến nay, mặc dầu có biến động qua các năm, nhưng dòng FDI vào các nước phát triển vẫn chiếm gần 3/4 lượng FDI toàn cầu. Theo dự báo của UNCTAD, trong những năm tới, EU, Mỹ, Nhật Bản, Canada vẫn là những nhà đầu tư lớn nhất thế giới với khả năng đầu tư ra nước ngoài chiếm 82% dòng vốn FDI toàn cầu và thu hút khoảng 71% dòng vốn FDI của thế giới. Sức hút FDI vào các nước phát triển, bên cạnh những yếu tố như quy mô nền kinh tế và nhu cầu đầu tư lớn, còn có những yếu tố quan trọng khác là: ở các nước phát triển có thị trường phát triển cao và đồng bộ, mức độ mở cửa và tính cạnh tranh mạnh, cơ sở hạ tầng kinh tế-kỹ thuật và các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển ở mức độ cao và ổn định... Điều đó cho thấy, hơn 100 nước ĐPT trên thế giới chỉ tiếp nhận được 1/4 lượng vốn FDI của thế giới. Thực trạng này đặt ra cho các nước ĐPT

phải hết sức nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút được FDI. Trong các nước ĐPT, khu vực Đông Á và Đông Nam Á đang là khu vực có nhiều hấp dẫn. Dòng FDI vào khu vực này chiếm tỷ trọng 15% tổng số FDI vào các nước ĐPT năm 1975, tăng lên 53% năm 1997 và dự báo sẽ tiếp tục có những lợi thế cạnh tranh trong thời gian tới do ASEAN và APEC đang thực hiện chủ trương tự do hóa đầu tư trong khu vực. Yếu tố này có ảnh hưởng đáng kể đến chính sách thu hút FDI của các nước trong khu vực.

Ba là, Mức độ cạnh tranh thu hút FDI giữa các nước ĐPT

Cuộc cạnh tranh thu hút FDI vốn đã mang tính toàn cầu và không cân sức mà ưu thế thuộc về các nước phát triển với kết quả là 3/4 tổng lượng vốn FDI toàn cầu chảy vào các nước này như đã phân tích ở phần trên. Như vậy, 1/4 nguồn vốn FDI còn lại dành cho hơn 100 nước ĐPT trên thế giới. Sự hạn hẹp về nguồn FDI trong khi nhu cầu lại rất lớn đã tạo ra cuộc chạy đua cạnh tranh rất mạnh mẽ giữa các nước ĐPT với nhau. Cộng vào đó, mức độ cạnh tranh thu hút FDI giữa các nước ĐPT càng gay gắt thêm bởi các nguyên nhân sau:

- Các nước ĐPT đã và đang thực hiện chuyển sang kinh tế thị trường, mở cửa nền kinh tế và hội nhập KTQT nên nhu cầu về vốn để phát triển kinh tế là rất lớn. Thu hút FDI không còn là vấn đề có nên hay không nên mà quan trọng là làm thế nào để thu hút được FDI trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ.

- Trừ một số nước dầu mỏ, còn phần đông các nước ĐPT thu hút FDI chủ yếu dựa vào những lợi thế tương tự nhau: nguồn lao động dồi dào với giá nhân công rẻ, sản phẩm chủ yếu có nguồn gốc từ nông nghiệp và nguồn tài nguyên sẵn có... Vì thế, các nhà đầu tư nước ngoài có nhiều sự lựa chọn về địa điểm đầu tư, làm cho các nước phải tìm cách tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn hơn.

- Cạnh tranh thu hút FDI đối với các nước ĐPT không chỉ dựa vào các lợi thế truyền thống như trước đây mà quan trọng là phải có những chính sách tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, cởi mở, thông thoáng, phù hợp thông lệ quốc tế; cạnh tranh bằng năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế trong xu thế phát triển nền kinh tế trí thức.

Bốn là, Môi trường kinh tế thế giới và chính sách của các nước công nghiệp phát triển

Môi trường kinh tế thế giới và những chính sách liên quan đến hoạt động FDI của các nước công nghiệp phát triển - nơi cung cấp nguồn FDI chủ yếu trên thế giới có ảnh hưởng sâu sắc tới khả năng thu hút FDI cũng như việc hoạch định và thực thi chính sách thu hút FDI của các nước ĐPT.

Thực tiễn cho thấy, các nước công nghiệp phát triển giữ vai trò chi phối đáng kể dòng FDI vào các nước ĐPT. Các nước phát triển đã giảm dần những hạn chế đối với các

nước ĐPT như xóa bỏ cấm vận, nới lỏng các chính sách thương mại (như hạn ngạch), chính sách tài chính, tiền tệ làm cho dòng FDI vào các nước ĐPT được thuận lợi hơn. Từ thập kỷ 1980, nhiều nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật Bản bên cạnh yếu tố giá lao động trong nước tăng nhanh đã thực hiện thắt chặt một số quy chế như thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất, dẫn đến làm giảm tính hấp dẫn của đầu tư trong nước; đồng thời khuyến khích đầu tư ra bên ngoài như: tăng thuế doanh thu đối với đầu tư trong nước nhưng lại giảm thuế lợi tức cho các công ty đầu tư ra bên ngoài (đặc biệt là đầu tư vào các nước ĐPT), thực hiện tăng giá đồng nội tệ, xóa bỏ quy định giới hạn về tỷ lệ vốn ra nước ngoài... Đây là những yếu tố thúc đẩy dòng vốn đầu tư ra nước ngoài. Ngoài ra, các nước phát triển thực hiện những chính sách khuyến khích đầu tư vào các nước ĐPT như ký các hiệp định song phương và đa phương, tránh đánh thuế hai lần, miễn thuế tín dụng cho các công ty đầu tư vào các nước ĐPT; điều chỉnh chính sách nhập khẩu từ các nước ĐPT như nới lỏng hạn ngạch, giảm thuế nhập khẩu hàng hoá... Từ đó đã tạo cơ hội cho các nhà đầu tư ở các nước phát triển thực hiện đầu tư vào các nước ĐPT, sau đó lại xuất khẩu hàng hoá từ nước ĐPT trở lại tiêu thụ ở chính quốc để có lợi nhuận cao hơn so với sản xuất tại nội địa. Chính phủ các nước phát triển còn có chính

sách hỗ trợ các công ty trong nước xúc tiến đầu tư vào các nước ĐPT như cung cấp thông tin, tư vấn, trợ giúp về tài chính để nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư...

Năm là, Các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các TNCs

Đối tượng tác động của chính sách thu hút FDI là các nhà đầu tư nước ngoài, vì thế các nhà đầu tư nước ngoài là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả cũng như chính sách thu FDI của các nước ĐPT. Vì vậy, trong hoạch định cũng như quá trình triển khai thực hiện chính sách phải xem xét, đánh giá đúng mức nhân tố này.

Trước hết, để lôi cuốn được các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn vào đầu tư, phải biết được những nhân tố tác động đến hành vi đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Để đạt được mục tiêu đầu tư cuối cùng (yếu tố quan trọng) là thu lợi nhuận cao hơn, các nhà đầu tư phải quan tâm đến hai yếu tố là: (1) Doanh thu: Đó là thị trường tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và xuất khẩu, hay nói cách khác là mức độ tăng tổng cầu do nền kinh tế tạo ra; (2) Chi phí đầu tư, gồm nhiều yếu tố liên quan: Thuế, lãi vay (nếu lãi suất lớn hơn mức lợi nhuận trung bình của đầu tư thì sẽ triệt tiêu động lực đầu tư; Các chi phí liên quan thành lập doanh nghiệp (thủ tục hành chính, thời gian, lệ phí...); Chi phí trung gian (giao thông vận tải, thông tin liên lạc, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, tiền thuê nhân công...). Những yếu tố này giúp cho các nước muốn thu hút FDI phải có

được những chính sách phù hợp tác động tới từng yếu tố theo hướng tích cực để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, phải xem xét đến các yếu tố thuộc về nhà đầu tư, đó là: (1) Chiến lược đầu tư: Thực hiện chiến lược kinh doanh toàn cầu, các TNCs không ngừng mở rộng đầu tư tới mọi khu vực trên thế giới với qui mô ngày càng lớn hơn. Ngoài những khu vực truyền thống, các TNCs đang vươn mạnh tới các khu vực mới đầy tiềm năng, nhất là các quốc gia có nền kinh mới nổi (ví dụ Trung Quốc, ấn Độ) nhằm tìm kiếm lợi nhuận cao hơn do giá nhân công rẻ và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, đồng thời còn chiếm lĩnh được thị trường tiêu thụ, vượt qua hàng rào bảo hộ của nước nhận đầu tư... (2) Tiềm lực về tài chính, công nghệ, kỹ năng kinh doanh của nhà đầu tư. Xem xét các yếu tố này sẽ giúp cho các nước ĐPT có chính sách thu hút và lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng đáp ứng tốt nhất theo mục tiêu phát triển từng ngành, lĩnh vực hay khu vực kinh tế nhất định.

Nhân tố bên trong

Một là, Đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Chính sách thu hút FDI chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. Phạm vi và mức độ ảnh hưởng được thể hiện như sau:

Định hướng phát triển các khu vực kinh tế, tức là xác

định khu vực kinh tế trong nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tồn tại lâu dài và bình đẳng hay không? Nếu có thì phải có chính sách khuyến khích, hấp dẫn thu hút FDI.

Bên cạnh đó, điều chỉnh chiến lược CNH của mỗi nước cũng ảnh hưởng rất lớn tới chính sách thu hút FDI vào các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt, với các nước ĐPT ngày nay đều lần lượt chuyển từ CNH theo chiến lược hướng nội sang hướng ngoại. Do vậy, đã và đang diễn ra quá trình điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư gắn với việc chuyển dịch cơ cấu ngành trong quá trình hội nhập KTQT.

Hai là, Môi trường kinh tế, chính trị - xã hội

- Trong điều kiện nền kinh tế trong nước tăng trưởng tốt có tác động rất tích cực tới các chính sách kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng đến việc cân đối các nguồn lực, ổn định cán cân thanh toán, ổn định tiền tệ, từ đó sẽ có tác dụng tới các chính sách về lãi suất, tỷ giá, xuất khẩu... Một khi nền kinh tế có những khó khăn, tăng trưởng chậm, lạm phát hay khủng hoảng chẳng những làm nản lòng các nhà đầu tư mà chính sách thu hút đầu tư cũng phải có những điều chỉnh cho phù hợp.

Môi trường kinh tế ảnh hưởng tới chính sách thu hút FDI còn thể hiện ở chỗ, nếu như nền kinh tế phát triển nóng

thì chính sách thiên về hạn chế đầu tư; ngược lại, nếu nền kinh tế ở trong trạng thái trì trệ thì nhà nước cần tăng liều lượng khuyến khích đầu tư; hay, nền kinh tế trong trạng thái cân cấu trúc lại thì chính sách thu hút FDI cũng phải khác so với tình trạng nền kinh tế ổn định và tăng trưởng tốt.

Ba là, Bộ máy nhà nước và đội ngũ công chức

- Nhà nước là người hoạch định chiến lược và quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội. Tính khoa học và tính hiện thực của nó sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các chính sách trong thu hút FDI. Điều đó thuộc về năng lực của bộ máy nhà nước, là chủ thể quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội của mỗi nước.

- Việc hoạch định và triển khai thực hiện chính sách thu hút FDI chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đội ngũ công chức nhà nước, đặc biệt là những người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước. Năng lực của đội ngũ công chức là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến thành công hay hạn chế trong thu hút FDI. Trường hợp công chức không có năng lực, tâm huyết, nhận thức không đầy đủ về vai trò cũng như sự cần thiết phải thu hút FDI, có hành vi tham nhũng hay ý thức kỷ luật kém sẽ làm cho chính sách bị chệch hướng, thậm chí làm vô hiệu hoá chính sách.

Bốn là, Các nguồn lực trong nước.

Các nguồn lực trong nước bao hàm nhiều yếu tố. Những yếu tố

ấy có ảnh hưởng rất lớn tới chính sách thu hút FDI cũng như kết quả thu hút FDI.

- Nguồn tài nguyên, khoáng sản dồi dào, phong phú sẽ có sức hấp dẫn thu hút FDI do giá nguyên liệu rẻ. Khi ấy chính sách thu hút FDI có thể chưa phải sử dụng nhiều ưu đãi vẫn có thể thu hút được FDI.

- Nguồn lực lao động dồi dào, trình độ lao động cao, giá nhân công rẻ là lợi thế so sánh tạo động lực thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó tác động tới chính sách thu hút FDI.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, cầu cống, kho tàng, bến bãi, sân bay có chất lượng cùng với khả năng cung cấp các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, dịch vụ công cộng và phúc lợi xã hội tốt sẽ tạo nên môi trường đầu tư hấp dẫn, ảnh hưởng rất lớn tới chính sách thu hút FDI.

Năm là, Khả năng hội nhập KTQT và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

- Mức độ hội nhập KTQT và khu vực thể hiện ở quá trình tự do hóa thương mại, tự do hóa đầu tư càng sâu rộng thì càng có cơ hội thu hút FDI.

- Vị thế quốc gia trên trường quốc tế được tạo dựng bởi quy mô GDP, quy mô dân số, diện tích, vị trí địa lý, uy tín chính trị... Vị thế quốc gia trên trường quốc tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chính sách thu hút FDI. Các quốc gia lớn thường chiếm ưu thế hơn trong thu hút FDI. Tuy nhiên, các quốc gia ĐPT hiện nay có ưu thế tăng trưởng nhanh, tỷ suất lợi nhuận khá cao là sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài./.

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA ... (Tiếp theo trang 47)

Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm theo quy định.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm *đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu*. Trong khi Luật thuế TNDN năm 2003 quy định: tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi.

Ngoài ra chúng ta thấy rằng những khoản thu nhập từ các hoạt động như: thu nhập khác; thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác; thu nhập từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng,

cá cược là những thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nhìn chung, những ưu đãi về thuế của Luật thuế TNDN năm 2008 đã được thu hẹp lại và quy định cụ thể hơn. Tuy nhiên, cũng cho phép các doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/01/2009 được lựa chọn xác định thời điểm tính ưu đãi theo Luật thuế TNDN năm 2003.

Những sự thay đổi trong Luật thuế TNDN năm 2008 so với những Luật thuế TNDN trước đây là những sự cụ thể hóa sự cải cách thuế ở Việt Nam hiện nay. Những sự thay đổi này ngày càng tạo điều kiện

thuận lợi cho doanh nghiệp (nâng cao tính minh bạch) trong thực hiện trách nhiệm thuế của mình theo cơ chế quản lý thuế mới cũng như sự phát triển của nền kinh tế theo xu thế hội nhập hiện nay. Sự thay đổi trong quan điểm xác định thu nhập tính thuế, chi phí được trừ và chi phí không được trừ cũng như quy định các trường hợp được ưu đãi thuế và giảm thuế suất phổ thông xuống mức thuế suất 25% đã phần nào cho thấy Việt Nam đang tiếp tục khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh hội nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh trong tiến trình hội nhập quốc tế nay trên thế giới./.